

# **CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH VINACONTROL**

*Báo cáo Tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010  
đã được kiểm toán*

**NỘI DUNG**

	<u>Trang</u>
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 5
Báo cáo Kiểm toán	6
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	7 - 9
Báo cáo kết quả kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
Thuyết minh Báo cáo tài chính	12 - 23

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Giám định Vinacontrol (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Giám định Vinacontrol là Công ty được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà Nước sang Công ty cổ phần theo Quyết định số 1758/2004/QĐ-BTM ngày 29 tháng 11 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Thương mại.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103008113 ngày 01 tháng 06 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, và đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 14/05/2009 lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Giám định về qui cách, phẩm chất, tình trạng, số - khối lượng, bao bì, ký mã hiệu...đối với mọi loại hàng hoá (gồm cả máy móc, dây chuyền công nghệ, đá quý, kim loại quý hiếm...);
- Giám sát hàng hoá trong quá trình sản xuất, giao nhận, bảo quản, vận chuyển, xếp - dỡ, giám sát quá trình lắp ráp thiết bị dây chuyền công nghệ; thẩm định, tư vấn, giám sát công trình xây dựng;
- Giám định các phương tiện vận tải, container, các dịch vụ giám định về hàng hải; giám định an toàn con tàu trước khi xếp hàng, phá dỡ hoặc sửa chữa;
- Dịch vụ lấy mẫu, phân tích và thử nghiệm mẫu;
- Giám định tổn thất; đại lý giám định tổn thất, phân bổ tổn thất cho các Công ty bảo hiểm trong và ngoài nước;
- Các dịch vụ có liên quan: Khử trùng, thẩm định giá; giám định không phá huỷ; kiểm tra kết cấu hàn các công trình; kiểm tra thiết bị và thiết bị đo lường; kiểm tra và lập bảng dung tích các loại bồn chứa, sà lan; kiểm đếm; niêm phong - kẹp chì; dịch vụ kiểm tra chất lượng hệ thống quản lý theo yêu cầu của khách hàng;
- Giám định theo yêu cầu của mọi đối tượng để cung cấp chứng từ phục vụ công tác quản lý của Nhà Nước thuộc các lĩnh vực như: Xuất xứ hàng hoá; quản lý chất lượng; an toàn, vệ sinh hàng hoá; nghiệm thu, quyết toán công trình đầu tư; bảo vệ môi trường (Giám định về vệ sinh công nghiệp; giám định và xử lý nước, nước thải) các dịch vụ phục vụ thông quan;
- Tư vấn, đánh giá, chứng nhận áp dụng hệ thống quản lý theo các tiêu chuẩn quốc tế; tư vấn về chất lượng hàng hoá, về pháp lý thương mại;
- Dịch vụ giám định và dịch vụ khác theo sự uỷ thác của mọi tổ chức giám định trong nước và quốc tế;
- Dịch vụ khách sạn, cho thuê văn phòng (không bao gồm phòng hát Karaoke, quán bar, vũ trường);
- Kiểm tra phá huỷ, không phá huỷ;
- Hiệu chuẩn và kiểm định các thiết bị đo lường;
- Đo lường và lập bảng dung tích các phương tiện thủy;
- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Thẩm tra hồ sơ dự toán, quyết toán các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Tư vấn, lắp đặt thiết bị (không bao gồm tư vấn thiết kế, giám sát, lắp đặt thiết bị công trình);

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH VINACONTROL**  
**Địa chỉ: 54, Trần Nhân Tông, Hai Bà Trưng, Hà Nội**

- Kiểm tra chứng nhận sự phù hợp về khả năng chịu lực của công trình; kiểm tra, chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng, máy móc, thiết bị, vật tư, vật liệu công trình (Theo quy định của Nhà nước);
- Kinh doanh bất động sản;
- Tư vấn thủ tục cổ phần hoá doanh nghiệp, hợp nhất, mua bán, sáp nhập doanh nghiệp (không bao gồm tư vấn pháp luật);
- Đào tạo kiến thức, nghiệp vụ thẩm định giá và nghiệp vụ có liên quan khác (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép).

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 14/05/2009 của Công ty là 78.750.000.000 VND (*Bằng chữ: Bảy mươi tám tỷ, bảy trăm năm mươi triệu đồng chẵn./.*).

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 là: 33.910.987.630 đồng

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại thời điểm 31/12/2010 là: 33.911.967.086 đồng

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Theo nhận định của Ban Giám đốc Công ty, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát Công ty trong năm 2010 và tại thời điểm lập báo cáo này gồm có :

**Hội đồng quản trị:**

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm 2010 và tại thời điểm lập báo cáo gồm có:

Ông	: Bùi Duy Chính	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông	: Mai Tiến Dũng	Ủy viên
Ông	: Trần Minh Đức	Ủy viên
Ông	: Trần Đăng Thành	Ủy viên
Ông	: Lê Quang Viêng	Ủy viên

**Ban Giám đốc**

Các thành viên của Ban Giám đốc trong năm 2010 và tại thời điểm lập báo cáo gồm có:

Ông	: Mai Tiến Dũng	Tổng Giám đốc
Ông	: Trần Đăng Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông	: Phan Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc

**Ban Kiểm soát**

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm 2010 và tại thời điểm lập báo cáo gồm có:

Bà	: Hà Thị Hồng Thủy	Trưởng Ban kiểm soát
----	--------------------	----------------------

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH VINACONTROL**  
**Địa chỉ: 54, Trần Nhân Tông, Hai Bà Trưng, Hà Nội**

Ông : Nguyễn Quang Minh  
Ông : Trương Sơn Lâm  
Ông : Đặng Xuân Bình

Ủy viên  
Ủy viên – Miễn nhiệm từ ngày 27/03/2010  
Ủy viên - Bổ nhiệm từ ngày 27/03/2010

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam – Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết hoặc tổ chức kinh doanh chứng khoán theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Đảm bảo lợi ích của cổ đông.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

*Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2011*

**TM. Ban Giám đốc**  
**Tổng Giám đốc**

**Mai Tiến Dũng**

**PHÊ DUYỆT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Giám định Vinacontrol phê duyệt Báo cáo Tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

*Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2011*

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Bùi Duy Chính**

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Số : ...../BCKT/TC/NV7

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

*Về Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010  
của Công ty Cổ phần Giám định Vinacontrol*

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị  
Ban Giám đốc và các cổ đông Công ty Cổ phần Giám định Vinacontrol**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng năm 2010 của Công ty Cổ phần Giám định Vinacontrol được lập ngày 25/01/2011 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 được trình bày từ trang 07 đến trang 23 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### ***Cơ sở ý kiến***

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### ***Ý kiến của kiểm toán viên***

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Giám định Vinacontrol tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và nguyên tắc kế toán phổ biến được Việt Nam chấp nhận.

**Nguyễn Bảo Trung**

**Phó Giám đốc**

*Chứng chỉ kiểm toán viên số 0373/KTV*

**Thay mặt và đại diện cho**

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KẾ TOÁN  
VÀ KIỂM TOÁN VIỆT NAM (AVA)**

*Hà Nội, ngày 07 tháng 03 năm 2011*

**Nguyễn Việt Long**

**Kiểm toán viên**

*Chứng chỉ kiểm toán viên số 0692/KTV*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>109.990.383.701</b>	<b>108.311.085.761</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		<b>66.548.141.271</b>	<b>28.045.154.355</b>
111	1. Tiền	3	30.880.771.802	28.045.154.355
112	2. Các khoản tương đương tiền		35.667.369.469	-
120	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	4	<b>5.981.938.696</b>	<b>21.223.183.931</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn		9.200.712.583	22.769.162.986
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		(3.218.773.887)	(1.545.979.055)
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>34.597.132.445</b>	<b>48.764.008.779</b>
131	1. Phải thu khách hàng		33.763.401.746	29.635.489.100
132	2. Trả trước cho người bán		606.028.011	19.284.369.000
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
135	5. Các khoản phải thu khác	5	605.981.600	394.346.935
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(378.278.912)	(550.196.256)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>211.877.516</b>	<b>1.183.222.220</b>
141	1. Hàng tồn kho	6	211.877.516	1.183.222.220
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>2.651.293.773</b>	<b>9.095.516.476</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		53.054.267	1.532.000
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		366.536.645	564.073.575
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	7	-	630.595
157	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính Phủ		-	-
158	5. Tài sản ngắn hạn khác		2.231.702.861	8.529.280.306
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>77.046.128.487</b>	<b>52.424.254.554</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		-	-
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>68.521.364.915</b>	<b>42.931.068.934</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	30.655.714.866	27.089.360.719
222	- Nguyên giá		61.243.921.453	54.458.195.418
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(30.588.206.587)	(27.368.834.699)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	9	3.741.009.223	3.877.215.507
228	- Nguyên giá		4.465.384.606	4.381.695.606
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(724.375.383)	(504.480.099)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	34.124.640.826	11.964.492.708
240	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		-	-
241	- Nguyên giá		-	-
242	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		-	-
250	<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>6.398.130.000</b>	<b>6.398.130.000</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		1.739.730.000	1.739.730.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	11	2.000.000.000	2.000.000.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác	12	2.658.400.000	2.658.400.000
260	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>2.126.633.572</b>	<b>3.095.055.620</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	2.051.633.572	2.723.616.443
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	-
268	3. Tài sản dài hạn khác		75.000.000	371.439.177
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>187.036.512.188</b>	<b>160.735.340.315</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>25.727.854.986</b>	<b>19.254.510.639</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>24.956.359.928</b>	<b>18.804.314.473</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn		-	-
312	2. Phải trả người bán		893.642.640	805.843.406
313	3. Người mua trả tiền trước		2.865.626.499	355.552.075
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	2.544.917.911	2.085.444.321
315	5. Phải trả người lao động		15.365.301.012	11.271.868.134
316	6. Chi phí phải trả	15	33.000.000	3.950.421
317	7. Phải trả nội bộ		-	-
318	8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng		-	-
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	16	3.428.731.366	5.074.401.881
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		(174.859.500)	(792.745.765)
327	12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính Phủ		-	-
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>771.495.058</b>	<b>450.196.166</b>
331	1. Phải trả dài hạn người bán		-	-
332	2. Phải trả dài hạn nội bộ		-	-
333	3. Phải trả dài hạn khác		-	-
334	4. Vay và nợ dài hạn		-	-
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	-
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		523.438.905	331.892.068
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn		146.756.153	115.444.098
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		101.300.000	2.860.000
339	9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		-	-
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>161.308.657.202</b>	<b>141.480.829.676</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>161.308.657.202</b>	<b>141.480.829.676</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	17	78.750.000.000	78.750.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	17	26.250.000.000	26.250.000.000
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)	17	(852.856.825)	(852.856.825)
415	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		349.518.089	275.358.428
417	7. Quỹ đầu tư phát triển	17	19.548.265.229	16.066.176.259
418	8. Quỹ dự phòng tài chính	17	3.351.763.623	2.272.466.493
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	17	33.911.967.086	18.719.685.321
421	11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		-	-
422	12. Quỹ hỗ trợ, sắp xếp doanh nghiệp		-	-
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
432	1. Nguồn kinh phí		-	-
433	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		-	-
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>187.036.512.188</b>	<b>160.735.340.315</b>

**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

<b>Mã số</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
1.	Tài sản thuê ngoài		-	
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		1.781.650.341	618.062.442
5.	Ngoại tệ các loại		-	
	- USD		191.934,99	230.831,00
	- EUR		15.787,00	6.264,00
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2011

**Người lập**

**Kế toán trưởng**

**Tổng Giám đốc**

**Nguyễn Thị Minh Thu**

**Lưu Ngọc Hiền**

**Mai Tiến Dũng**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	18	<b>213.923.013.912</b>	<b>154.420.854.113</b>
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19	-	-
10	<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp</b>	20	<b>213.923.013.912</b>	<b>154.420.854.113</b>
11	<b>4. Giá vốn hàng bán</b>	21	<b>152.015.213.905</b>	<b>108.206.383.472</b>
20	<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>61.907.800.007</b>	<b>46.214.470.641</b>
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	4.763.669.760	7.886.694.290
22	7. Chi phí tài chính	23	3.110.143.471	5.277.002.045
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
24	8. Chi phí bán hàng		7.280.774.960	6.288.969.736
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		16.598.584.746	14.192.219.303
30	<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>39.681.966.590</b>	<b>28.342.973.847</b>
31	11. Thu nhập khác		120.883.700	420.177.494
32	12. Chi phí khác		83.004.645	213.030.801
40	<b>13. Lợi nhuận khác</b>		<b>37.879.055</b>	<b>207.146.693</b>
50	<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>39.719.845.645</b>	<b>28.550.120.540</b>
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24	5.808.858.015	3.482.088.970
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	<b>17. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>		<b>33.910.987.630</b>	<b>25.068.031.570</b>
70	<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>		<b>4.333</b>	<b>3.203</b>

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2011

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Minh Thu

Lưu Ngọc Hiền

Mai Tiến Dũng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Năm 2010

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	209.720.124.321	206.170.962.023
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(51.462.387.490)	(79.782.126.650)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động	(61.599.081.817)	(55.915.111.942)
04	4. Tiền chi trả lãi vay	-	-
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	(5.495.342.441)	(3.369.585.604)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	84.019.870.477	92.325.790.548
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(97.558.086.596)	(164.524.296.954)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>77.625.096.454</b>	<b>(5.094.368.579)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(19.201.181.536)	(10.842.765.597)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	31.698.460.000	740.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(185.109.447.632)	(45.482.788.772)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	137.399.635.887	63.742.282.320
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	(905.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	33.121.577
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	3.254.114.676	2.836.406.547
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>(31.958.418.605)</b>	<b>9.381.996.075</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	-	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	-	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	-	-
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	-	-
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(7.087.500.000)	-
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>(7.087.500.000)</b>	<b>-</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>38.579.177.849</b>	<b>4.287.627.496</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>28.045.154.355</b>	<b>23.482.168.431</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(76.190.933)	275.358.428
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>66.548.141.271</b>	<b>28.045.154.355</b>

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2011

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Minh Thu

Lưu Ngọc Hiền

Mai Tiến Dũng

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010*

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Giám định Vinacontrol là Công ty được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà Nước sang Công ty cổ phần theo Quyết định số 1758/2004/QĐ-BTM ngày 29 tháng 11 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Thương mại.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103008113 ngày 01 tháng 06 năm 2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 14/05/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 78.750.000.000 VND (*bằng chữ: Bảy mươi tám tỷ, bảy trăm năm mươi triệu đồng chẵn./.*)

Trụ sở chính của Công ty tại số 54, Trần Nhân Tông, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

#### Lĩnh vực kinh doanh và ngành nghề kinh doanh

- Giám định về qui cách, phẩm chất, tình trạng, số - khối lượng, bao bì, ký mã hiệu...đổi với mọi loại hàng hoá (gồm cả máy móc, dây chuyền công nghệ, đá quý, kim loại quý hiếm...);
- Giám sát hàng hoá trong quá trình sản xuất, giao nhận, bảo quản, vận chuyển, xếp - dỡ, giám sát quá trình lắp ráp thiết bị dây chuyền công nghệ; thẩm định, tư vấn, giám sát công trình xây dựng;
- Giám định các phương tiện vận tải, container, các dịch vụ giám định về hàng hải; giám định an toàn con tàu trước khi xếp hàng, phá dỡ hoặc sửa chữa;
- Dịch vụ lấy mẫu, phân tích và thử nghiệm mẫu;
- Giám định tổn thất; đại lý giám định tổn thất, phân bổ tổn thất cho các Công ty bảo hiểm trong và ngoài nước;
- Các dịch vụ có liên quan: Khử trùng, thẩm định giá; giám định không phá huỷ; kiểm tra kết cấu hàn các công trình; kiểm tra thiết bị và thiết bị đo lường; kiểm tra và lập bảng dung tích các loại bồn chứa, sà lan; kiểm đếm; niêm phong - kẹp chì; dịch vụ kiểm tra chất lượng hệ thống quản lý theo yêu cầu của khách hàng;
- Giám định theo yêu cầu của mọi đối tượng để cung cấp chứng từ phục vụ công tác quản lý của Nhà Nước thuộc các lĩnh vực như: Xuất xứ hàng hoá; quản lý chất lượng; an toàn, vệ sinh hàng hoá; nghiệm thu, quyết toán công trình đầu tư; bảo vệ môi trường (Giám định về vệ sinh công nghiệp; giám định và xử lý nước, nước thải) các dịch vụ phục vụ thông quan;
- Tư vấn, đánh giá, chứng nhận áp dụng hệ thống quản lý theo các tiêu chuẩn quốc tế; tư vấn về chất lượng hàng hoá, về pháp lý thương mại;
- Dịch vụ giám định và dịch vụ khác theo sự uỷ thác của mọi tổ chức giám định trong nước và quốc tế;
- Dịch vụ khách sạn, cho thuê văn phòng (không bao gồm phòng hát Karaoke, quán bar, vũ trường);
- Kiểm tra phá huỷ, không phá huỷ;

- Hiệu chuẩn và kiểm định các thiết bị đo lường;
- Đo lường và lập bảng dung tích các phương tiện thủy;
- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Thăm tra hồ sơ dự toán, quyết toán các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Tư vấn, lắp đặt thiết bị (không bao gồm tư vấn thiết kế, giám sát, lắp đặt thiết bị công trình);
- Kiểm tra chứng nhận sự phù hợp về khả năng chịu lực của công trình; kiểm tra, chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng, máy móc, thiết bị, vật tư, vật liệu công trình (Theo quy định của Nhà nước);
- Kinh doanh bất động sản;
- Tư vấn thủ tục cổ phần hoá doanh nghiệp, hợp nhất, mua bán, sáp nhập doanh nghiệp (không bao gồm tư vấn pháp luật);
- Đào tạo kiến thức, nghiệp vụ thẩm định giá và nghiệp vụ có liên quan khác (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép).

## **2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

### **Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### *Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

### **Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản chênh lệch tỉ giá hối đoái được hạch toán theo qui định tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 do Bộ Tài chính ban hành.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

### **Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân năm.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

### **Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao TSCĐ của Công ty được thực hiện theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo quy định tại Thông tư số 203/2009/QĐ - BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	07 - 12 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 08 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 08 năm
- Quyền sử dụng đất	03 - 30 năm

### **Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

### **Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Lợi thế thương mại.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### **Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

### **Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

#### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:  
Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;



- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

**3 . TIỀN**

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Tiền mặt	5.591.325.693	5.914.884.745
Tiền gửi ngân hàng	25.289.446.109	22.130.269.610
Tiền đang chuyển	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>30.880.771.802</u></b>	<b><u>28.045.154.355</u></b>

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	8.934.992.583	9.956.737.361
Đầu tư ngắn hạn khác (tiền gửi có kỳ hạn)	265.720.000	12.812.425.625
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(3.218.773.887)	(1.545.979.055)
<b>Cộng</b>	<b><u>5.981.938.696</u></b>	<b><u>21.223.183.931</u></b>

**5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Phải thu về cổ phần hoá	105.050.000	143.550.000
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-
Phải thu người lao động	-	15.670.000
Phải thu khác	355.083.331	225.727.075
Phải trả, phải nộp khác (Dư Nợ)	145.848.269	9.399.860
<b>Cộng</b>	<b><u>605.981.600</u></b>	<b><u>394.346.935</u></b>

**6 . HÀNG TỒN KHO**

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	210.892.516	1.173.203.887
Công cụ, dụng cụ	985.000	10.018.333
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-
Thành phẩm	-	-
Hàng hóa	-	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	-	-
<b>Cộng giá gốc của hàng tồn kho</b>	<b><u>211.877.516</u></b>	<b><u>1.183.222.220</u></b>

**7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	630.595
Thuế khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>630.595</u></b>

**8 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư 01/01/2010	19.748.916.760	16.727.614.888	13.253.508.198	4.728.155.572	54.458.195.418
Số tăng trong năm	5.591.209.671	2.921.496.786	56.107.362	760.509.602	9.329.323.421
- Mua trong năm	1.049.256.599	2.921.496.786	56.107.362	760.509.602	4.787.370.349
- Đầu tư XD CB h. thành	4.541.953.072				4.541.953.072
- Tăng khác	-				-
Số giảm trong năm	1.536.109.480	339.830.360	-	667.657.546	2.543.597.386
- Thanh lý, nhượng bán	157.433.827	339.830.360		592.022.546	1.089.286.733
- Giảm khác	1.378.675.653			75.635.000	1.454.310.653
Số dư 31/12/2010	23.804.016.951	19.309.281.314	13.309.615.560	4.821.007.628	61.243.921.453
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư 01/01/2010	6.412.578.099	9.435.346.113	8.111.490.720	3.409.419.767	27.368.834.699
Số tăng trong năm	919.263.428	1.738.837.739	1.315.411.447	654.253.722	4.627.766.336
- Khấu hao trong năm	919.263.428	1.738.837.739	1.315.411.447	654.253.722	4.627.766.336
- Tăng khác					-
Số giảm trong năm	451.524.969	308.470.518	-	648.398.961	1.408.394.448
- Chuyển sang BĐS đ. tư	331.997.731				331.997.731
- Thanh lý, nhượng bán	119.527.238	308.470.518		415.906.040	843.903.796
- Giảm khác				232.492.921	232.492.921
Số dư 31/12/2010	6.880.316.558	10.865.713.334	9.426.902.167	3.415.274.528	30.588.206.587
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 01/01/2010	13.336.338.661	7.292.268.775	5.142.017.478	1.318.735.805	27.089.360.719
Tại ngày 31/12/2010	16.923.700.393	8.443.567.980	3.882.713.393	1.405.733.100	30.655.714.866

**9 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư 01/01/2010	4.159.695.606			222.000.000	4.381.695.606
Số tăng trong năm	83.689.000	-	-	-	83.689.000
- Mua trong năm	83.689.000				83.689.000
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
- Giảm khác					-
Số dư 31/12/2010	4.243.384.606	-	-	222.000.000	4.465.384.606
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư 01/01/2010	448.267.785			56.212.314	504.480.099
Số tăng trong năm	186.633.372	-	-	33.261.912	219.895.284
- Khấu hao trong năm	186.633.372			33.261.912	219.895.284
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
- Giảm khác					-
Số dư 31/12/2010	634.901.157	-	-	89.474.226	724.375.383
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 01/01/2010	3.711.427.821	-	-	165.787.686	3.877.215.507
Tại ngày 31/12/2010	3.608.483.449	-	-	132.525.774	3.741.009.223

**10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang		
- Trụ sở văn phòng <i>Dung Quất</i>	1.026.109.353	1.026.109.353
- Nhà 54 - <i>Trần Nhân Tông</i>		302.549.945
- Trung tâm phân tích và thử nghiệm 1:	1.317.600.000	193.935.000
- Trung tâm phân tích và thử nghiệm 2:	21.885.516.374	9.721.882.046
- Văn phòng đại diện tại <i>Vũng Áng</i>	123.636.364	123.636.364
- Mua sắm tài sản cố định và sửa chữa trụ sở <i>CN Hải Phòng:</i>	943.602.727	
- Sửa chữa trụ sở <i>Trạm Cửa Ông - CN Quảng Ninh:</i>	200.447.863	
- Sửa chữa văn phòng <i>Quảng Ninh</i>		524.380.000
- Phần mềm quản trị nhân sự	108.000.000	72.000.000
- Thiết kế công trình cải tạo nhà làm việc tại <i>CN Quy Nhơn:</i>	456.509.091	
- Mua đất tại <i>Đường 30/4 - Đà Nẵng</i>	8.063.219.054	-
<b>Cộng</b>	<b><u>34.124.640.826</u></b>	<b><u>11.964.492.708</u></b>

**11 . ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH**

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Đầu tư vào Công ty liên doanh	2.000.000.000	2.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>2.000.000.000</u></b>	<b><u>2.000.000.000</u></b>
(*) Bao gồm:		
- Văn phòng công chứng <i>Thăng Long</i>		500.000.000
- Công ty CP Tư vấn và Kiểm định Xây dựng		1.500.000.000
<b>Cộng</b>		<b><u>2.000.000.000</u></b>

**12 . ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Đầu tư cổ phiếu (*)	2.658.400.000	2.658.400.000
<b>Cộng</b>	<b><u>2.658.400.000</u></b>	<b><u>2.658.400.000</u></b>
(*) Bao gồm:	<b>Số lượng</b>	<b>Thành tiền</b>
Cổ phiếu của Công ty CP Thiết bị phụ tùng <i>Đà Nẵng</i>	27.000	540.000.000
Cổ phiếu của Trung tâm Thẩm định giá - BTC	20.000	718.400.000
Cổ phiếu của TCTy Bia Rượu - nước giải khát <i>Sài Gòn</i>	20.000	1.400.000.000
<b>Cộng</b>		<b><u>2.658.400.000</u></b>

**13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Chi phí trả trước về công cụ dụng cụ	1.936.072.430	1.754.584.663
Giá trị lợi thế thương mại	115.561.142	969.031.780
<b>Cộng</b>	<b><u>2.051.633.572</u></b>	<b><u>2.723.616.443</u></b>

**14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	985.753.489	1.075.936.407
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.063.480.610	749.965.036
Thuế thu nhập cá nhân	495.683.812	259.542.878
Thuế tài nguyên	-	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-
Các loại thuế khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>2.544.917.911</u></b>	<b><u>2.085.444.321</u></b>

**15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	-	-
Lãi vay phải trả	-	-
Chi phí phải trả khác	33.000.000	3.950.421
<b>Cộng</b>	<b><u>33.000.000</u></b>	<b><u>3.950.421</u></b>

**16 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Tài sản thừa chờ xử lý	-	-
Kinh phí công đoàn	670.735.864	482.537.168
Bảo hiểm xã hội	21.738.135	36.484.979
Bảo hiểm y tế	2.122.984	2.122.869
Phải trả về cổ phần hoá	677.250.000	677.250.000
Bảo hiểm thất nghiệp	-	-
Phải trả phải nộp khác	2.042.223.659	3.869.107.677
Phải thu khác (Dư Có)	14.660.724	6.899.188
<b>Cộng</b>	<b><u>3.428.731.366</u></b>	<b><u>5.074.401.881</u></b>

**17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (xem phụ lục 01)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>31/12/2010</u>	%	<u>01/01/2010</u>	%
Vốn góp của Nhà nước	23.625.000.000	30%	23.625.000.000	30%
Vốn góp của các đối tượng khác	55.125.000.000	70%	55.125.000.000	70%
<b>Cộng</b>	<b><u>78.750.000.000</u></b>	100%	<b><u>78.750.000.000</u></b>	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	78.750.000.000	78.750.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	78.750.000.000	78.750.000.000

**d) Cổ phiếu**

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.875.000	7.875.000
- Cổ phiếu phổ thông	7.875.000	7.875.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	48.200	48.200
- Cổ phiếu phổ thông	48.200	48.200
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.826.800	7.826.800
- Cổ phiếu phổ thông	7.826.800	7.826.800
- Cổ phiếu ưu đãi		
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:		10.000 đồng

**e) Các quỹ của công ty**

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
- Quỹ đầu tư phát triển	19.548.265.229	16.066.176.259
- Quỹ dự phòng tài chính	3.351.763.623	2.272.466.493

**18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu cung cấp dịch vụ	180.622.813.912	154.420.854.113
Doanh thu kinh doanh Bất động sản	33.300.200.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>213.923.013.912</u></b>	<b><u>154.420.854.113</u></b>

**19 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chiết khấu thương mại	-	-
Hàng bán bị trả lại	-	-
Giảm giá hàng bán	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>

**20 . DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	180.622.813.912	154.420.854.113
Doanh thu thuần kinh doanh Bất động sản	33.300.200.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>213.923.013.912</u></b>	<b><u>154.420.854.113</u></b>

**21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	126.367.913.575	108.206.383.472
Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư	25.647.300.330	-
<b>Cộng</b>	<b><u>152.015.213.905</u></b>	<b><u>108.206.383.472</u></b>

**22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi	2.352.233.481	3.312.211.477
Lợi nhuận được chia từ hoạt động liên doanh	500.000.000	394.011.718
Cổ tức được chia	401.881.195	299.397.066
Doanh thu bán chứng khoán	1.509.555.084	3.881.074.029
Doanh thu hoạt động tài chính khác		
<b>Cộng</b>	<b><u>4.763.669.760</u></b>	<b><u>7.886.694.290</u></b>

**23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí đầu tư chứng khoán	1.437.332.087	4.432.774.333
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	1.672.794.832	842.672.885
Chi phí tài chính khác	16.552	1.554.827
<b>Cộng</b>	<b><u>3.110.143.471</u></b>	<b><u>5.277.002.045</u></b>

**24 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

Công ty được miễn 100% thuế TNDN trong 02 năm kể từ năm 2006 và được giảm 50% thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm tiếp theo do chuyển từ Công ty Nhà nước sang Công ty Cổ phần và sau đó Công ty được giảm 50% thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm tiếp theo do Công ty đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội trong năm 2006. Năm 2010 Công ty được giảm 50% thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (25%).

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (1)	39.719.845.645	28.550.120.540
Điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế		
+ Điều chỉnh tăng (2)		
+ Điều chỉnh giảm (cổ tức, lợi nhuận được chia) (3)	901.881.195	693.408.784
<i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	<i>901.881.195</i>	<i>693.408.784</i>
Tổng thu nhập chịu thuế (4) = (1) + (2) - (3)	38.817.964.450	27.856.711.756
Trong đó:		
+ Thu nhập chịu mức thuế suất 12.5%:	31.165.064.780	27.856.711.756
+ Thu nhập chịu mức thuế suất 25% (Bất động sản đầu tư):	7.652.899.670	-
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu mức thuế suất 12.5%:	3.895.633.097	3.482.088.970
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu mức thuế suất 25%:	1.913.224.918	-
<b>Cộng</b>	<b><u>5.808.858.015</u></b>	<b><u>3.482.088.970</u></b>

**25 . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (AVA), được phân loại lại phù hợp với các qui định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính và Công văn số 53/CV/AVA/NV7 ngày 17/03/2010 của Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam.

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2011

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Minh Thu

Lưu Ngọc Hiền

Mai Tiên Dũng

## 17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

*Phụ lục 01*

	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư, phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>78.750.000.000</b>	<b>26.250.000.000</b>	<b>(852.856.825)</b>	<b>13.323.305.379</b>	<b>1.550.614.008</b>	<b>6.789.591.164</b>
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	2.742.870.880	721.852.485	25.068.031.570
<i>Lãi trong năm trước</i>						25.068.031.570
<i>Tăng vốn</i>						
<i>Tăng khác</i>				2.742.870.880	721.852.485	
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	13.137.937.413
<i>Lỗ trong năm trước</i>						
<i>Chia cổ tức năm trước</i>						6.300.000.000
<i>Giảm khác</i>						6.837.937.413
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>78.750.000.000</b>	<b>26.250.000.000</b>	<b>(852.856.825)</b>	<b>16.066.176.259</b>	<b>2.272.466.493</b>	<b>18.719.685.321</b>
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	3.482.088.970	1.079.297.130	33.910.987.630
<i>Lãi trong năm</i>						33.910.987.630
<i>Tăng vốn</i>						
<i>Tăng khác</i>				3.482.088.970	1.079.297.130	
Giảm vốn trong năm	-	-	-	-	-	18.718.705.865
<i>Lỗ trong năm</i>						
<i>Chia cổ tức năm</i>						7.087.500.000
<i>Giảm khác</i>						11.631.205.865
<b>Số dư tại 31/12/2010</b>	<b>78.750.000.000</b>	<b>26.250.000.000</b>	<b>(852.856.825)</b>	<b>19.548.265.229</b>	<b>3.351.763.623</b>	<b>33.911.967.086</b>
				-	-	